

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thanh Giang**.

Cốc Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Thúy** và bà **Nguyễn Thị Lan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Anh** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 07 ngày 20/9/2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/TB – TA ngày 22/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim D, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1966 ; nơi cư trú : Thôn B, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1955; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng đều vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI D VU ÁN:

**Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị Kim D bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn vào ngày

24/3/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi nhau, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Phạm Đăng P, sinh ngày 05/10/2010 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 01/6/2013. Vợ chồng ly chị đề nghị được nuôi con Phạm Tuấn K và anh T nuôi con Phạm Đăng P, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phạm Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh xác định về thời gian và điều kiện kết hôn như chị D bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có thuận, nguyên nhân chủ yếu là do chị D tự ý bỏ nhà đi, anh đã phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp tìm về, bản thân anh xác định không còn tình cảm với chị D. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh, anh nhất trí.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung là Phạm Đăng P, sinh ngày 05/10/2010 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 01/6/2013. Hiện nay hai con đang ở với anh, vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại lời khai của bà Nguyễn Thị S là mẹ đẻ của anh T xác định:* Sau khi anh T và chị D kết hôn vợ chồng anh chị sống cùng nhà với bà được khoảng 3 tháng thì bà cho ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà cũng đã nhiều lần can thiệp, hòa giải nhưng không được, thời gian gần nhất là tháng 5/2021 chị D đã tự ý cho hai con đi không nói gì với gia đình hai bên. Khi về chị D làm đơn xin ly hôn, theo quan điểm của bà việc ly hôn là do anh T, chị D quyết định, bà không có ý kiến gì.

** Tại lời khai của ông Lê Văn Đ là bố đẻ của chị D xác định:* Anh T, chị D trong thời gian chung sống cùng nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, một phần do anh T chơi bời, không quan tâm chăm lo cho vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi nhau, ông đã phải can thiệp hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng chỉ được thời gian ngắn vợ chồng lại mâu thuẫn. Ông xác định vợ chồng anh T, chị D có tiếp tục sống cùng nhau cũng

không có hạnh phúc và ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D ly hôn để chị ổn định cuộc sống.

** Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương xác định:* Anh T, chị D kết hôn với nhau vào năm 2009, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời thì mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị D bỏ nhà đi, anh T đã báo chính quyền địa phương can thiệp để tìm chị D về. Anh T hiện là người lao động tự do, công việc không ổn định. Theo quan điểm của địa phương nếu anh T, chị D ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T, chị D và theo quy định của pháp luật để anh chị sớm ổn định cuộc sống và các con của anh chị ổn định việc học tập.

** Kết quả xác minh tại trường tiểu học xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương, đại diện nhà trường cung cấp:* Cháu Phạm Đăng P và Phạm Tuấn K là con của anh T, chị D, quá trình học tập tại trường, sức khỏe và lực học của các cháu trung bình, tiếp thu chậm, cháu đi học đầy đủ. Về các khoản đóng góp ở nhà trường và tình hình học tập của các cháu đều do chị D là người trực tiếp trao đổi với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và là người nộp tiền. Theo quan điểm của nhà trường, nếu anh T, chị D ly hôn về phần nuôi con, đề nghị Tòa án xem xét giao cháu Kiệt cho chị D nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ và căn cứ theo nguyện vọng của các cháu để giải quyết cho các cháu để ổn định cuộc sống và ổn định việc học tập.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị D thể hiện quan điểm xin được ly hôn anh T và đề nghị được nuôi một con là con Phạm Tuấn K, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147; Điều 227, Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị D, xử cho chị Lê Thị Kim D ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là Phạm Đăng P, sinh ngày 05/10/2010 cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con Phạm Tuấn K, sinh ngày 01/6/2013 cho chị Lê Thị Kim D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị D, anh T.

- Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Kim D khởi kiện ly hôn anh Phạm Văn T trú tại xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ, chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ 2 không lý do, người làm chứng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự và người làm chứng tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim D và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm đến nhau. Anh, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị xin ly hôn anh, anh nhất trí. Khi Tòa án triệu tập anh chị tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần) anh T đều vắng mặt, qua đó thể hiện sự không tôn trọng pháp luật và càng thể hiện hiện ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị D và anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị D. Xử cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Phạm Đăng P, sinh ngày 05/10/2010 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 01/6/2013. Hiện nay hai con đang ở với anh T. Anh T đề nghị được nuôi hai con chung và tự nguyện

không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con. Tòa án đã ra thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh về mức thu nhập, chỗ ở cho anh T, chị D nhưng anh T không cung cấp. Chị D nghề nghiệp tự do, có công việc, có chỗ ở, chị có nguyện vọng được nuôi một con là Phạm Tuấn K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng của chị là hoàn toàn chính đáng. Mặt khác, theo quan điểm của con Phạm Đăng P có nguyện vọng được ở với anh T, con Phạm Tuấn K có nguyện vọng ở với chị D. Do vậy, cần giao con chung Phạm Đăng P cho anh T nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Tuấn K cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp, chấp nhận sự tự nguyện của chị D, anh T không ai yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh T không cần Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Kim D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

*Áp dụng các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147; Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim D.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Kim D ly hôn anh Phạm Văn T
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Đăng P, sinh ngày 05/10/2010 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Phạm Tuấn K, sinh ngày 01/6/2013 cho chị Lê Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị D, anh T.

Anh, chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Kim D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn; được trừ vào số tiền chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0005493 ngày 29/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc. Chị D đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D, anh T có quyền không cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Các đương sự ;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Gia Lộc;
- UBND xã T, huyện Gia Lộc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Giang

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Các đương sự ;
- Chi cục T.H.A đồn sự huyện Gia Lộc;
- UBND xó Thống Kờnh, huyện Gia
Lộc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phỏn- Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Thanh Giang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Giang

